

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2023
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà: Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1984

Đều trú tại: thôn X, xã A, huyện T, tỉnh B.

(Chị C, anh D đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị C trình bày: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm

2018 tại UBND xã V (nay là xã A), huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm ăn tại địa phương, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mặt khác anh D không quan tâm đến chị và còn súc phạm đến gia đình chị, tháng 11/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh Diễm có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/10/2018 và Trần Đức K, sinh ngày 22/01/2020, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H, anh D trực tiếp nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D trình bày: Anh và chị C kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã A), huyện T, tỉnh B, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tháng 11/2022 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã Y sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị C cương quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/10/2018 và Trần Đức K, sinh ngày 22/01/2020, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị C được ly hôn anh D. Về con chung: Giao con là Trần Trần Gia H, sinh ngày 10/10/2018 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Đức K, sinh ngày 22/01/2020 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, chị C phải chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi bổ sung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh chị C và anh D là hợp pháp, trong quá trình chung sống mới được một thời gian chưa lâu, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị C anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị C được ly hôn anh D.

[2]. Về con chung: Chị C và anh D có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/10/2018 và Trần Đức K, sinh ngày 22/01/2020, tại phiên tòa, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H, anh D đề nghị được trực tiếp nuôi cháu cả hai con chung. Xét thấy hiện tại các hai con chung của anh chị đều còn nhỏ, chị C làm công nhân có mức thu nhập 7.000.000 đồng/ tháng, anh D làm nghề lao

động tự do có thu nhập tuy không ổn định nhưng để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung Trần Gia H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Đức K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, việc giao con chung chưa thành niên cho anh D và chị C mỗi người nuôi một con chung như vậy mới đảm bảo điều kiện sinh hoạt và nuôi dạy trẻ chưa thành niên tốt hơn.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 10/10/2018 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Đức K, sinh ngày 22/01/2020 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hai bên đều có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0004312 ngày 29/11/2022 tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, chị C đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị C anh D có mặt có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- C/c THADS huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- UBND xã A
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương